

PHẨM 24: CA-DIỆP (PHẦN 5)

Đầu quyển là đoạn thứ ba, chỉ nói về sinh thiện, gồm hai phen hỏi đáp: Thứ nhất, gồm có ba: Một, nói về duyên khởi; hai, hỏi; ba, kết luận lời hỏi. Về duyên khởi, vẫn có pháp, dụ và hợp.

Từ câu: “Nếu từ nghĩa này v.v...” trở xuống là hỏi.

Nói phiền não là chúng sinh, chúng sinh là phiền não; phiền não là chúng sinh, tức nhân khổ mà không có điều thiện; chúng sinh lại là phiền não tức là quả khổ bất thiện. Nếu thế thì đều chẳng thiện, vì sao nói sinh được pháp thiện? Làm sao lại có thuốc hay?

Từ câu: “Nếu nói v.v...” trở xuống là kết luận câu hỏi.

Phật đáp có ba câu: 1/ Khen câu hỏi; 2/ Hợp dụ; 3/ Kết luận nói người năng tu, tức năng lực Phật tánh. Thứ nhất như văn kinh.

Từ câu: “Núi Tuyết v.v...” trở xuống là hợp dụ.

Ở trước thì thuốc quý dụ cho Phật tánh, ở đây lạc dụ cho phạm hạnh. Lời nói hơi khác nhau.

Từ câu: “Nếu có chúng sinh v.v...” trở xuống là kết luận.

Từ câu: “Ca-diếp bạch Phật v.v...” là phen hỏi đáp thứ hai, nêu ra hạnh được sinh.

Đây là hỏi lại ý trước.

Phật đáp có hai ý là đáp chung và đáp riêng. Đáp chung, trước là nêu dụ. Sau là hợp dụ. Ý Phật đáp là: Chúng sinh cũng chẳng phải hầu hết đều có phạm hạnh này; Như quả cây ở thế gian, đã là quả nhưng chưa hẳn đã sinh ra hạt; hoặc do chim ăn, lửa đốt, nước làm mục rã thì chẳng thể sinh. Chẳng bị ba việc này thì sẽ sinh ra hạt. Chúng sinh cũng như thế, người chẳng thể tu tập gọi là quả phiền não, từ quả này sinh lại sinh nhân của hoặc. Nếu người tu điều thiện, tức chỉ có hoặc quả mà không có hoặc nhân, tức trong thân chúng sinh có phạm hạnh thanh tịnh.

Từ câu: “Chúng sinh quán Thọ...” trở xuống là thứ hai, đáp riêng, nói về tu quán giải. Văn có năm đoạn: 1. Quán Thọ; 2. Quán Tưởng; 3. Quán Dục; 4. Quán Nghiệp; 5. Quán mười hai nhân duyên. Năm pháp quán này gom thành hai khoa: bốn pháp trước là quán năm ấm; một pháp sau là quán nhân duyên. Trong phần quán năm ấm vì sao chẳng quán hai ấm thức và sắc? Vì lúc Thức mới khởi chưa phân biệt được khổ vui. Các sư Thành Thật cho rằng: Thức thì được thật pháp, Tưởng thì được giả danh, đều chưa thể phân biệt; cho nên chẳng quán. Còn Sắc ấm thì thô thiển nên cũng chẳng quán. Ba ấm còn lại rất mạnh mẽ, nên

cần phải quán. Trong ba ấm này, Thọ và Tưởng ấm thì chẳng chia, hành ấm chia làm hai là dục và nghiệp. Vì sao? Vì hành ấm quá nặng nên phải chia ra để quán; trong quán mỗi quán đều có bốn phần: 1/ Quán thể của Thọ; 2/ Quán nhân của Thọ; 3/ Quán quả của Thọ; 4/ Nói về tu đạo. Thứ nhất là quán thể của Thọ.

Phàm Thọ tâm chỉ là quả báo, mà nói nhân gần là vì Thọ là chi cuối trong năm quả, từ đây lại khởi ra ba nhân, sinh các phiền não, gọi là xúc nhân duyên. Nói nhân duyên là vì tên xúc chẳng nhất định, không có tự thể riêng, cũng có thể nói thức là xúc, Tưởng là xúc. Đây là theo thứ lớp nhân duyên; nói vô minh xúc tức là tâm trước của phiền não, nói minh xúc tức là tâm trước của vô lậu, nói chẳng phải minh, vô minh xúc tức là tâm trước của các thiện hữu lậu.

Từ câu: “lại quán v.v...” trở xuống là dứt hai quán nhân của Thọ.

Trước nói nhân của Thọ không từ đâu sinh, sau nói từ hòa hợp sinh.

Từ câu: “lại quán quả báo v.v...” trở xuống là thứ ba, quán quả.

Từ câu: “Nếu có người v.v...” trở xuống là ý thứ tư, tu đạo.

Xúc có ba: Một là vô minh xúc, nếu tâm hành tạo ác thì Thức, Tưởng Thọ gọi là vô minh xúc; tâm hành khởi điều thiện thì ba tâm Thức, Tưởng Thọ là vô minh xúc. Hành vô ký chẳng phải thiện chẳng phải ác thì ba tâm trên gọi là chẳng minh, vô minh xúc. Lại có một cách giải thích rằng: Như văn trước nói minh xúc là tám Chánh đạo, hai xúc kia làm cho các điều ác thêm lớn.

Từ câu: “Lại nữa, này Thiện nam! v.v...” trở xuống là đoạn hai, quán về Tưởng, cũng như trước, văn có bốn. Nói Tưởng ở đây không phải là Tưởng ấm, mà nói về Tưởng điên đảo trong tâm hành; lại trong tư duy đạo gọi là Tưởng đảo, tâm đảo; trong Kiến đế gọi là Kiến đảo. Nay nói chung chẳng được gọi là Kiến mà gọi chung là Tưởng. Văn kinh ghi: “Cõi Vô sắc là tất cả Tưởng” nghĩa là trong cõi Vô sắc mới có bất dụng xứ, chẳng phải cho rằng tất cả đều có. Nhưng hai cõi trước là tất cả, cho nên gọi là Tưởng. Văn quán thể của Tưởng có hai: trước là chánh quán thể, kế là đáp.

Nói diệt Thọ Tưởng là Giải thoát, các sư Số luận nói rằng: “Người được Giải thoát chẳng những diệt hai tâm này, mà còn diệt tất cả tâm mới được Giải thoát; nay chỉ nói hai tâm là vì hai tâm này nhiều tội lỗi. Tâm Thọ tu thiện, Tưởng tu định Vô sắc. Tâm Thọ đắm thiện, Tưởng tâm chấp Vô sắc là Niết-bàn”. Các sư Thành Thật chẳng cho như thế: “Nói rằng duyên thế đế gọi là Tưởng Thọ, duyên nhân đế gọi là Tuệ

tâm, tâm Tướng thế đế có thể diệt để được Giải thoát. Tuệ tâm chân đế chẳng thế diệt”. Nghĩa này đồng với các sư Số Luận, Ca-diếp hỏi rằng: Phải diệt tất cả pháp gọi là Giải thoát, đâu thế diệt hai tâm mà được Giải thoát?

Đức Phật đáp phải diệt tất cả tâm mới được Giải thoát. Đức Phật có lúc nói chung tức gồm tất cả, hoặc có lúc nói riêng. Nay nói Thọ và Tướng diệt được Giải thoát, tức nói chung rồi mới nói tất cả. Văn kinh trước nói: “Nhân chúng sinh mà nói, người nghe hiểu pháp”, nghĩa là nhờ duyên vào chúng sinh mà nói các pháp thiện ác, người nghe liền hiểu. Văn kinh lại ghi: “Do pháp mà nói chúng sinh, chúng sinh cũng hiểu, pháp ác nên bỏ, chúng sinh nghe xong thì hiểu được. Hai ý này chính là để trả lời câu hỏi ở trước.

Kế là quán nhân của Tướng, cũng có hai: trước là chánh quán.

Kế là hai phen hỏi đáp.

Thứ ba là quán về quả.

Thứ tư là nói về tu đạo.

Từ câu: “lại nữa v.v...” trở xuống là đoạn ba, quán Dục, tức là môn phiền não, cũng có bốn phần: Một là quán thể của Dục.

Chính là do nội tâm, mà nay chỉ nói về ngoại trần, là vì ngoại trần làm phát sinh tâm dục, nên nói trần là dục. Đây là trong nhân nói quả.

Từ câu: “Do điên đảo v.v...” trở xuống là thứ hai, quán nhân của Dục, kế là quán quả báo.

Thứ tư nói về Tu đạo.

Từ câu: “Lại nữa người trí v.v...” trở xuống là đoạn bốn, quán nghiệp. Cũng có bốn: Một, là quán Thể.

Nói Thọ, Tướng, Xúc, Dục là phiền não, có hai cách giải thích của Số luận và Thành Thật.

- Cho rằng Thọ, Tướng, Xúc, Dục, khi tâm vương khởi thì tâm sở liền khởi theo, trong đó nói Thọ, Tướng tức là bốn tâm sở trong mười tâm sở, Thọ là tâm sở Thông, đã thuộc Thông tâm thì đều có chung cả Thiện ác. Tâm sở khởi thiện thì gọi là Tâm thiện, tâm sở khởi ác thì gọi là phiền não. Ở đây ý cứ theo tâm sở khởi ác nên gọi như thế.

- Các sư Thành Thật cho rằng: Tâm vương là tâm sở không khác, trong đây nói bốn pháp Thọ, Tướng, v.v... tức bốn tâm nhưng không có sắc ấm, xúc là thức ấm, Dục là Hành ấm. Nếu hành khởi thiện thì gọi là thiện, còn hành khởi ác thì gọi là phiền não. Ở đây là nói về phiền não.

Kinh ghi: “Tạo ra sinh nghiệp, chẳng tạo ra Thọ nghiệp”, có hai

cách giải thích:

- Cho rằng do nhân duyên phiền não này chẳng dứt mất, nên nói là sinh nghiệp, nhưng chẳng thể phân biệt quả báo của năm cái, các Thọ khác nhau, nên chẳng tạo Thọ nghiệp.

- Do phiền não nhuận nghiệp mà được sinh, nên nói là tạo sinh nghiệp, nhưng chẳng thể rời lấy xả Thọ. Hai xả vừa chừng, tâm xả đã là phiền não làm sao thuận sinh Thọ được? Lạc Thọ chính là tâm lạc, lại cũng chẳng thể nhuận sinh. Đây là cùng nói về nghĩa nhuận nghiệp sinh.

Văn nói: “Cùng đi với nghiệp thì có hai loại”, nghĩa là Dục sinh ra thể của nghiệp; đây là nói khi nghiệp còn có các hoặc, nên nói “đi chung với nghiệp”, nhưng nghiệp và pháp khác nhau, nên có hai nghiệp là sinh và Thọ.

Lại nói: “hai nghiệp thân miệng là nghiệp, cũng gọi là quả”. Vì năng tạo tác nên gọi là Nghiệp, lại làm vui thích miệng ý nên gọi là quả, ý chỉ gọi là nghiệp, nhưng không có nghĩa tự vui thích, nên chẳng gọi là quả.

Lại nói “Chánh nghiệp là ý” vì ý chánh là thể của nghiệp. Nói Kỳ nghiệp là nghiệp thân và miệng, vì thân miệng tự nhiên, phù hợp với ý mà có, như đến thời kỳ thì kết hợp, nên gọi là Kỳ nghiệp.

Thứ ba là quán quả báo. Văn có hai: Một, là giải thích bốn nghiệp, kế là hai phen hỏi đáp phân biệt. Phen hỏi đáp thứ nhất.

Trong lời đáp nói: Vô lậu gọi là quả, chẳng gọi là báo, nghĩa là hoặc có lúc nói không khác, còn ở đây chắc chắn là khác. Nói thêm rằng: Vô lậu là tập quả, cho nên chỉ gọi là quả, chẳng gọi là Nhân. Phen hỏi đáp thứ hai.

Nói mười bất thiện có thượng, trung, hạ, tức là khổ nặng thì đọa vào địa ngục, khổ nhẹ thì đọa vào ngạ quỷ, chẳng nhẹ chẳng nặng thì vào súc sinh. Mười thiện có bốn quả báo sinh vào bốn châu. Quả báo Thọ mạng ở cõi Diêm-phù là quả của nghiệp thấp kém nhất mà nói là thượng thượng, vì ở đây là lấy về mặt tu đạo, làm thiện có thuận lợi.

Thứ tư, Từ câu: “Người trí quán v.v...” trở xuống là nói Tu đạo.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là đoạn năm, quán mười hai nhân duyên. Văn cũng có bốn là phiền não, nghiệp, hữu và khổ. Nhưng văn này y cứ theo Thọ, Tướng v.v... ở trước đều có bốn môn, mà nay chỉ nói phiền não. Nói thêm rằng: Ba nghĩa Thể, nhân và quả báo đều có đủ trong mười hai nhân duyên. Trí năng quán tức là tu Thọ. Vả lại, y cứ theo văn này thì đó là quả báo. Từ đó suy ra biết phiền

não sinh khổ. Chẳng nên nói phiền não chẳng với lấy quả báo.

Kinh Thập Địa chia mười hai nhân duyên làm ba đạo là phiền não, nghiệp và khổ, trong đó vô minh, ái thủ là phiền não đạo; hành, hữu là nghiệp đạo; thức, lão tử là khổ đạo. Trong đây, bốn trường xuất xứ từ hữu; tức chỉ cho năm quả hiện tại là hữu; sinh tử là khổ, khổ và hữu ở đây cũng không nhất định. Nhưng văn trước nói tám khổ, không lấy thức danh sắc, chỉ lấy lão tử, vì thế lập thuyết này. Nhưng bốn câu này, nếu nói đủ thì: Một, từ phiền não sinh phiền não; hai, từ phiền não sinh nghiệp; ba, từ phiền não sinh hữu; bốn, từ phiền não sinh ra khổ. Kế là y cứ theo nghiệp: Một là từ nghiệp sinh nghiệp; hai là từ nghiệp sinh hoặc; ba là từ nghiệp sinh ra hữu; bốn là từ nghiệp sinh ra khổ. Hai câu này cũng như thế, tức gồm mười sáu câu. Nay văn này chỉ có chín câu thì thiếu, mười hai câu thì thừa. Theo lý thì chỉ nên có mười một câu. Vì sao? Vì mười hai nhân duyên theo thứ lớp sinh nhau: vô minh sinh hành, nhân hành sinh thức, cho đến do sinh mà sinh lão tử, lão tử lại chẳng biết sinh pháp nào nữa, như vậy thì chỉ có mười một câu. Nhưng người kết tập kinh lập ra mười hai, là muốn nói lên mười hai nhân duyên.

Nay văn này không đầy đủ, đó chỉ là rộng lược khác nhau mà thôi. Phạm nói sinh nhau thì có loại pháp trước sinh pháp sau, pháp sau sinh ngược lại pháp trước, lại có loại khoa tiết sinh nhau, như xét câu thứ nhất: phiền não sinh phiền não, thì vô minh là gốc, tức do phiền não mà sinh ái thủ; nói phiền não sinh nghiệp tức là vô minh sinh ra hành; phiền não sinh hữu tức vô minh sinh thức v.v..., phiền não sinh ra khổ tức sinh ra lão tử. Câu thứ hai: Từ nghiệp sinh ra nghiệp, tức là từ hành sinh ra hữu, từ nghiệp sinh ra phiền não, tức là từ hành sinh ra vô minh, từ nghiệp sinh ra hữu tức là từ hành sinh ra thức v.v...; từ nghiệp sinh ra khổ tức là từ hành sinh ra lão tử. Câu thứ ba: Từ hữu sinh hữu, tức từ thức sinh sáu nhập v.v..., từ hữu sinh ra phiền não, tức từ thức sinh ra vô minh; từ hữu sinh ra nghiệp tức từ thức sinh ra hành; từ hữu sinh ra khổ tức là từ thức sinh ra lão tử. Câu thứ tư: Từ khổ sinh ra khổ tức từ sinh sinh ra lão tử; từ khổ sinh phiền não tức là từ lão tử sinh ra vô minh; từ khổ sinh ra nghiệp tức là từ lão tử sinh ra hành, hữu; từ khổ sinh ra hữu tức là năm quả như thức, v.v...

Văn kinh nói: “Vì trong ngoài có ái thì có ái khổ”. Kinh có hai văn: một nói ái khổ, hai nói Thọ khổ, nhưng nghĩa ái yếu kém; tuy hai nghĩa đều thông. Nói Thọ, là vì ái này mà lãnh chịu các khổ. Nói ái khổ, trong kinh phần nhiều nói ân ái là khổ.

Y cứ theo quán nhân duyên, nay cũng y cứ theo bốn pháp quán

khác nhau ở trên. Một là quán thể; văn có bốn: Một là nói nhân quả sinh nhau; hai là quán năm đường đều khổ; ba là quán ba cõi đều khổ; bốn là quán tám khổ. Văn thứ nhất có hai: Trước nói về sinh nhau, sau kết luận mười hai nghĩa.

Chín câu sinh nhau đều liên quan nhau.

Từ câu: “Người có trí v.v...” trở xuống là quán năm đường đều khổ.

Y cứ theo năm đường thì gồm có mười hai nhân duyên, trong đó có phiền não, nghiệp, khổ và hữu, địa ngục là khổ, phiền não là phiền não, nghiệp là nghiệp, Thể tức là Hữu. Các đường kia suy theo đây cũng có thể biết.

Từ câu: “Người trí v.v...” trở xuống là quán ba cõi đều khổ.

Nhưng hai cõi chưa hẳn đều là khổ, chỉ có ba đường là toàn khổ, còn cõi trời, người và đệ Tam thiên đều lạc, Đệ Tứ thiên là xả. Ở đây chỉ nói một bên, nếu y cứ lúc Như Lai mới thành đạo một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, thì ba cõi đều khổ.

Từ câu: “Người trí v.v...” trở xuống là quán tám khổ.

Từ câu: “Người trí v.v...” trở xuống là quán nhân khổ.

Nhân khổ là ái vô minh, đối với Tiểu thừa thì nghiệp phiền não là nhân khổ; trong pháp Đại thừa thì ái hữu, vô minh là nhân khổ. Trong Tiểu thừa thì ái là gốc khổ, vô minh là phụ. Vì thế văn kinh ghi: “Ái là tập đế”, đều có phiền não làm gốc của khổ. Văn kinh lại ghi: “Ái vô minh có hai thứ là trong và ngoài”, gồm hai nghĩa: Một là nêu trong ngoài của ái, thấy sắc cảnh bên ngoài thì tâm sinh chấp đắm, đó là ái bên ngoài, tự tâm khởi nhiễm là ái bên trong; thấy thân người khác là ái bên ngoài, thấy thân chính mình là ái bên trong. Hai là nêu vô minh, nếu nội tâm chẳng liễu ngộ thì gọi là vô minh bên trong, chẳng phân biệt việc bên ngoài, thì gọi là vô minh bên ngoài.

Văn kinh ghi: “Ái là duyên thủ, thủ duyên ái”, đó là mười hai nhân duyên, nếu nói thuận thì ái duyên thủ; nói nghịch thì thủ duyên ái, hai nghĩa này là nói thủ và ái làm nhân duyên đối đãi nhau, như vô minh duyên hành, hành duyên vô minh, vừa làm nhân, vừa làm quả. Thứ ba là quán quả báo.

Thứ tư, Từ câu: “Vì thế v.v...” trở xuống là nói tu Thánh đạo.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp bạch v.v...” trở xuống là phần hai trong phẩm, khen ngợi kinh, được chia làm ba phần:

- Y cứ theo giáo để khen ngợi.

- Y cứ theo hạnh để khen ngợi.

- Y cứ theo Phật để khen ngợi.

Thứ nhất, khen ngợi giáo sinh ra Trung đạo Phật tánh. Vì khiến Xiển-đề trở lại sinh ra gốc thiện, nên mới khen ngợi giáo; ý giáo mà tu hành, thì hành thật ít có, do đó mà khen ngợi hạnh. Đức Phật là giáo chủ nên khen ngợi Phật. Đây là khen ngợi Tam bảo. Thứ nhất vẫn có hai phen hỏi đáp.

Đầu tiên ý hỏi thế nào là duyên của phạm hạnh, chứ không phải là hỏi về thể của phạm hạnh.

Phật đáp: “Tất cả pháp”, đó là nói chung tất cả pháp đều có khả năng sinh ra phạm hạnh. Ý vẫn là đối với Niết-bàn Mãn giáo, chứa đựng tất cả pháp. Nghĩa sau tự hiển bày. Phen hỏi đáp thứ hai, chính thức khen ngợi kinh.

Ý hỏi là: Kinh sinh ra các hạnh, vì sao nói chung là tất cả pháp?

Đức Phật đáp có hai: Trước khen, sau đáp.

Ý lời đáp nói chỉ có kinh Đại Niết-bàn này là tất cả pháp. Văn có hai: Trước nêu rộng hai mươi lăm dụ; sau từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là kết luận chỉ cho Niết-bàn, khen ngợi kinh này.

Nói cắt đứt phiền não, tức là phẩm nhẹ thì đồng được, nay dứt phẩm vô minh nhẹ nhất, nên nói là tập khí. Nếu nói Tạng giáo và Thông giáo đều trước dứt chánh sử, sau dứt tập khí, thì đó chính là chánh và tập của giới nội, kế là dứt chánh sử của giới ngoại và sau là dứt tập khí của giới ngoại. Nếu theo Viên giáo thì chánh và tập của giới nội, giới ngoại đồng thời dứt. Nay văn ghi: Dứt tập, tức là khen Viên giáo đồng thời dứt tập, chứ chẳng phải Phương tiện.

Từ câu: “Như trước kia v.v...” trở xuống là khen ngợi hạnh. Văn có hai: Một là nói Đạo phẩm; hai là nói về Tướng. Ở đây có hai nghĩa: Một là hạnh cốt yếu; hai đều là Đại hạnh. Nói hạnh cốt yếu thì đâu được dùng Đạo phẩm, mười Tướng của Thanh văn để làm cốt yếu. Ở đây nói Đạo phẩm là lấy vị chân giải trở lên, còn Thập Tướng thì lấy vị Phương tiện. Đó là tự giải chánh quán, là Tông chỉ nhập đạo, há chẳng phải là cốt yếu ư? Vả lại, dùng tâm Đại Niết-bàn để tu tập, thì đó chẳng phải là pháp của Nhị thừa.

Nói Đại hạnh là muốn nói tất cả các pháp thiện đều là sở hành của Đại sĩ. Văn đầu tiên nói Đạo phẩm, trong đó chia ra hai đoạn: Một, nói về thể của đạo phẩm; hai là nói về nhân duyên của Đạo phẩm. Nói về thể, vẫn có ba ý: Một là nói chân giải là đúng; hai, nói hữu lậu là sai; ba, kết luận nói chân giải là đúng. Trang Nghiêm giải thích Đạo phẩm rằng: Bốn niệm, Bốn chánh, Bốn như là sở quán của ngoại phàm;

Năm căn, năm lực là năng quán của nội phàm; tám chánh và bảy giải là sở quán của bậc chân Thánh. Khai Thiện thì cho ba mươi bảy phẩm đều chung, cho nội phàm và ngoại phàm, trong đó bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực đều là cảnh quán của hàng nội phàm Tự giải; còn tám Chánh đạo và bảy Giác chi thì đều là cảnh quán của bậc chân Thánh; Tám chánh đạo là Kiến đế, bảy Giác chi là Tư duy.

Các sư Trung Quán bác bỏ Trang Nghiêm rằng: Đại phẩm nói ba mươi bảy phẩm là pháp xuất thế, vì sao nói ba Bốn là ngoại phàm. Lại bác bỏ Khai Thiện rằng: Văn này nói Thế đệ nhất pháp chẳng phải phạm hạnh thanh tịnh, ba mươi bảy phẩm là phạm hạnh thanh tịnh, vì sao nói ngoại phàm là năng quán? Các nhà Thiên Thai nói đạo phẩm có rất nhiều loại, nói đầy đủ trong văn giảng về Đạo phẩm trong Chỉ quán.

Trang Nghiêm thì y cứ theo vị mà nói về Đạo phẩm, còn Khai Thiện thì y cứ theo pháp tu chung để nói về Đạo phẩm; đều chỉ thiên về một đường.

Thứ nhất, nói là đúng. Văn có bốn: Một là nói ba mươi bảy phẩm là gốc của phạm hạnh.

Từ câu: “Nếu xa lìa v.v...” trở xuống là nói lìa Đạo phẩm thì chẳng đắc quả.

Từ câu: “Vì nhân duyên v.v...” trở xuống là kết luận đúng.

Từ câu: “Vì ba mươi bảy đạo phẩm v.v...” trở xuống là ý thứ tư, giải thích vì sao đúng.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là nói về chẳng đúng, có bốn lần hỏi đáp. Lần thứ nhất nói về hữu lậu là chẳng đúng.

Ý hỏi là: Thiện hữu lậu cũng giúp cho vô lậu thêm lớn, vì sao chẳng gọi là phạm hạnh?

Ý muốn nêu thế pháp để hỏi, cho nên trước định ra ý nghĩa.

Phật đáp Hữu lậu, Khai Thiện nói rằng: Hàng phương tiện vị đều chấp tướng, thật là Hữu lậu; nhưng lại là tướng tự vô lậu; vì chưa thể dứt các lậu, chẳng thuộc về quả vô lậu, nên nói là hữu lậu. Nhưng thể của nó thật chẳng chấp tướng, cho nên văn vặn hỏi ở sau ghi: “tánh của nó chẳng phải điên đảo”.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là lần hỏi đáp thứ ba.

Nói hướng về vô lậu, nên chẳng gọi là điên đảo, tức là nói từ pháp quán này mà phát sinh pháp vô lậu, nên chẳng gọi là điên đảo, nhưng tự thể lại có chấp.

Nói pháp Thế đệ nhất chỉ là một tâm, chính là lấy gần với khổ nhãn làm pháp Thế đệ nhất, thế thì chỉ trong một sát-na tâm. Nay ý Phật đáp là vốn nói Phạm hạnh là muốn cho chúng sinh phát tâm nối nhau, còn Thế đệ nhất thì chỉ một niệm tâm, cho nên chẳng chấp.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là lần hỏi đáp thứ tư.

Văn kinh nói: Năm thức của chúng sinh chẳng điên đảo, câu này có nhiều cách giải thích: Có thuyết cho rằng thức ấm chưa có chấp tướng, hoặc cho rằng thức tâm có tướng nhưng còn nhẹ hơn ba tâm sau, mà nay người hỏi lại nói năm thức chẳng điên đảo, nghĩa là chỉ vừa bắt cảnh thì chưa phân biệt được tướng khác nhau của ba giả, nên nói là chẳng phải điên đảo; còn nói chẳng phải một tâm, vì như mắt thấy sắc là tâm nối nhau. Nếu thế thì chẳng thể gọi là Phạm hạnh.

Phật đáp: “Nhưng vì hữu lậu, là điên đảo”, nên biết thức tâm đã có chấp tướng. Lại nói: “Thế chẳng chân thật, chẳng phải chấp Tướng, cho nên điên đảo”, văn sau lại giải thích: “Nghĩa là nam nữ cho đến Tướng là xe cộ, nhà cửa v.v...” nghĩa là thức tâm chưa biết được thân tâm nam nữ, bình chén, y phục v.v... đây chỉ mới do tâm Tướng mà có. Văn này muốn nói khi tướng, vì sao có chấp? Đó là do thức tâm, trước đã chấp đắm sắc thanh rồi, nên nay sinh ra Tướng, đây là nêu quả mà nói nhân.

Từ câu: “Nếu có Bồ-tát v.v...” trở xuống là phần hai, nói về nhân duyên của Đạo phẩm, tức biết chín nghĩa; chín nghĩa là Dụng của Đạo phẩm. Trong luận Bà-sa nói Đạo phẩm có chín tánh, thì đó là tánh, nếu nói về thể thì mỗi pháp có chỗ y cứ. Chín tánh là: giới, định, tuệ, niệm, tín, tinh tấn, hỷ, y, xả. Trong Đạo phẩm thì chỉ có ba loại là Giới: Tức chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; tám loại là Định: Bốn Như ý tức là bốn định, năm là định căn, sáu là định lực, bảy là định giác, tám là chánh định, chín loại là tuệ: bốn niệm xứ là bốn, Tuệ căn, Tuệ lực là sáu, giác phần Trạch pháp là bảy, chánh kiến, chánh tư duy là chín; bốn loại là niệm: Tức niệm căn, niệm lực, chánh niệm và niệm giác; hai loại là tín: Tức tín căn và tín lực; tám thứ là tinh tấn: Tức bốn chánh cần, căn, lực, chánh tinh tấn và giác phần tinh tấn, còn xả, y và hỷ mỗi pháp chỉ có một.

Văn có năm phần: Một là nêu tên; hai là nói về Thế; ba là giải nghĩa; bốn là nói về pháp; năm là phân biệt. Thứ nhất là nêu tên.

Chín nghĩa này có ba phần: Bốn nghĩa đầu là nhân của đạo phẩm, ba nghĩa kế là Thế của đạo phẩm, và hai nghĩa sau là quả của đạo phẩm. Nói bốn nghĩa trước là nhân, vì căn là dục, muốn phát tâm cầu

Bồ-đề; nhân là minh và vô minh, nhân thiện là minh, nhân ác là vô minh; nhiếp là thâm nhiếp chẳng để tản mát, tăng là khéo suy nghĩ, suy nghĩ để tạo nghiệp thiện. Cho nên nói bốn nhân; chủ là niệm, đạo là định, tăng là tuệ. Đã nói niệm định tuệ, thì há chẳng phải là Thế ư? Thật là Giải thoát được ít phần, rốt ráo là quả Niết-bàn; hai nghĩa này, chẳng phải là quả ư?

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần thứ hai nêu thế. Trước hỏi, sau đáp.

Vấn đáp có hai: Trước là khen câu hỏi.

Kế là chánh đáp.

Nói nhân là minh xúc, tức duyên của thiện tri thức.

Từ câu: “Thiện dục v.v...” trở xuống là phần thứ ba, giải thích chín nghĩa; có chín câu. Thứ nhất giải thích căn bản. Văn có hai: Trước giải thích, sau là phân biệt. Trong phần giải thích thì một là đáp, hai là nêu dụ.

Kế là phân biệt, có hai phen hỏi đáp.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là giải thích xúc.

Nêu rất nhiều, vì xúc không nhất định, tùy theo nghĩa xúc đối mà lập. Kinh nói: Nhân chánh mạng mà được giới căn thanh tịnh, tức trước nói chánh mạng đã là Mộc-xoa, Mộc-xoa Hán dịch là giới, mà chưa nói về Định cộng, Đạo cộng. Vì sao biết được? Vì văn sau tự nêu: Vì giới căn thanh tịnh nên ưa thích vắng lặng, thì mới được định, khéo suy nghĩ thì mới được tuệ. Do đó, chưa nói định tuệ thì vì sao đã có Đạo giới, định giới? Nay được Mộc-xoa rồi, trước Đạo, định, lại nói giới căn thanh tịnh, có hai cách giải thích: Một, là cho rằng trước nói chánh mạng là giới Mộc-xoa, tức là nói giữ chắc chẳng phạm, ở đây lại nói căn thanh tịnh, vì nói giới này dần dần sâu kín cho đến nhiếp giữ năm căn chẳng để phạm tội, vì thế nói là căn thanh tịnh. Hai, cho rằng chẳng nói thanh tịnh năm căn, mà chỉ là Bồ-tát tự có năm căn như tín, tấn v.v..., giới có nghĩa năng sinh, tức giới là căn, giới này đã thanh tịnh thì năng sinh ra định, tuệ, cho nên nói là giới căn thanh tịnh. Luận Thập Trụ và kinh Ưu-bà-tắc Giới đều có nói căn thanh tịnh.

Từ câu: “Thọ là nhiếp thủ v.v...” trở xuống là câu thứ ba, giải thích Thọ.

Trước nói về quán Thọ, Thọ là gốc để sinh ra phiền não, nhiếp lấy phiền não. Nay nói Thọ sinh Đạo phẩm nên lại cho Thọ là nhiếp lấy.

Từ câu: “Do khéo suy nghĩ, v.v...” trở xuống là câu thứ tư, giải thích Tăng. Do suy nghĩ nên tâm hiểu biết tăng tiến, gọi là Tăng. Trước

nêu lên, sau giải thích.

Từ câu: “Nếu năng lực quán v.v...” trở xuống là câu thứ năm, giải thích niệm. Có pháp, dụ và hợp.

Từ câu: “Đã nhập định v.v...” trở xuống là câu thứ sáu, giải thích Đạo.

Nghĩa là Định năng dẫn sinh ra trí, nên gọi là Đạo.

Từ câu: “Ba mươi bảy phẩm này v.v...” trở xuống là câu thứ bảy, giải thích Thắng. Văn có pháp, dụ và hợp.

Ý nói tuệ có công năng chánh đoạn, nên gọi là Thắng.

Từ câu: “Tuy nhờ tu tập v.v...” trở xuống là câu thứ tám, giải thích Thật. Trước nêu định chế phục, chẳng phải thật.

Kế là chính thức nói về trí đoạn là thật.

Từ câu: “Ba mươi bảy phẩm v.v...” trở xuống là giải thích rốt ráo. Văn có hai: Trước nói bốn quả Sa-môn chưa rốt ráo.

Sau nói được Đại Niết-bàn mới là rốt ráo.

Văn nói: Dứt trừ sở hành của ba mươi bảy phẩm, nghĩa là ngày đắc quả xả bỏ các tuệ hữu vi trong nhân.

Từ câu: “Tâm khéo ái niệm v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư, nói về pháp. Văn có ba: Một là y cứ theo pháp; hai là y cứ theo người; ba là y cứ theo dụ. Thứ nhất là chín pháp gồm ba ý: Bốn pháp trước là nhân, ba pháp kế là thể, hai pháp sau là quả.

Từ câu: “Lại nữa v.v...” trở xuống là đoạn hai, y cứ theo người.

Chín pháp ở đây có hai ý: bốn pháp trước là y cứ theo nhân, năm pháp sau là y cứ theo quả. Nhưng trong nhân bao gồm nội phạm, trong quả chung cho Học và Vô học.

Từ câu: “Lại nữa, Dục gọi là v.v...” trở xuống là đoạn ba, y cứ theo dụ.

Đoạn này có ba cách giải thích:

- Khai Thiện cho rằng: Ở đây là nêu mười hai nhân duyên, là cảnh của chín pháp, giống như mười hai nhân duyên sinh nhau. Chín pháp này cũng như thế, theo thứ lớp sinh nhau. Nhưng mười hai nhân duyên này gồm có ba việc khó giải thích: một là không đủ, hai là tri thức nêu hai lần, ba là không theo thứ lớp. Sở dĩ không đủ là vì đã lược bỏ; nhưng lược bỏ Hành, không lược bỏ vô minh, vì vô minh là căn bản của nhân duyên. Sở dĩ tri thức nêu hai lần, là vì tri thức và xúc là thức. Sở dĩ không theo thứ lớp là vì muốn nói mười hai nhân duyên trôi lăn vô cùng không có thứ lớp nhất định.

Từ câu: Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn năm, phân biệt:

trước hỏi sau đáp.

Phật đáp: Có năm phen.

Nói gốc thiện mới phát thì có thể tự hiểu, nhân là tương tự, tức hai tâm trước sau nối nhau chẳng dứt; Tăng là diệt tương tự lại được tương tự, tức diệt tâm tương tự trước lại được tâm tương tự sau. Nhưng trong phân biệt ba pháp này còn có thuyết ba đạo, Kiến đạo tức Kiến đế, Tu đạo tức tư duy đạo, chỉ trừ quả A-la-hán, Vô học đạo tức quả A-la-hán.

Từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn hai, y cứ theo mười Tướng đề nói về Hành. Trước hỏi sau đáp.

Lời đáp có ba là nêu chung, giải thích và tổng kết. Thứ nhất là nêu chung mười Tướng.

Kế là nêu.

Nói về Thể thì đúng thật là tuệ, nhưng lại lấy Tướng làm tên gọi. Khi mới khởi quán thì chưa thấy được rõ ràng, chỉ Tướng tượng ra việc ấy. Sau đó khi quán đã thành, thì từ phương tiện mà đặt tên, cũng gọi là Tướng. Nếu nói theo vị thì chung từ cạn đến sâu, vì mới tu tập cũng gọi là mười Tướng. Trong Đại Phẩm cũng có nói về mười Tướng, Thích Luận ghi: “Mười tu tập thì gọi là chín Tướng, đã thành tựu thì gọi là mười Tướng, danh số rất sơ lược đồng với kinh này. Nhưng có hai điểm khác nhau: một, trong Đại phẩm thừa có bất tịnh Tướng và đoạn Tướng; hai, Đại phẩm không có đa quá tội Tướng và vô ái Tướng, trong đó là ác Tướng, tức là Giải thoát Tướng, tận Tướng tức diệt Tướng. Mười Tướng này gồm có hai phần: Một, sáu Tướng đầu nói về Quán hạnh; hai, bốn Tướng sau nói về xuất ly. Trong sáu Tướng đầu lại chia làm hai: Ba tướng đầu là chánh quán, nghĩa là khổ, vô thường, vô ngã, ba Tướng bốn, năm, sáu chỉ là thành nhau mà thôi. Xưa nay có hai cách giải thích:

- Một, cho rằng các tướng riêng đối với nhau thành tựu trong đó tư Tướng thành tựu là vô thường, lạc Tướng thành cho khổ, chán lìa thực Tướng thành tựu vô ngã; nói chán lìa thực thành tựu vô ngã, như thế gian đối với thực sinh tham, là do chấp ngã muốn sắc được đẹp, Đức Phật biết vô ngã nên chẳng tham cầu thức ăn uống ngon ngọt; vì thế chán lìa thực, thành tựu Tướng vô ngã; Tướng không đáng vui thành tựu cho Tướng khổ, vì thế kinh Thụy Ứng nói: “Ba cõi là khổ, đâu có gì đáng gọi là vui?” Từ Tướng thành tựu cho vô thường, điều này rất dễ thấy, vì chết nên vô thường. Hai, là nếu thành tựu chung cho nhau thì chỉ do yếm thực, không đáng vui, chết cho nên vô ngã, cũng chỉ do yếm

thực, không đáng vui, chết nên có khổ, cũng do yếm thực, không đáng vui, chết nên vô thường.

Bốn Tướng sau, thì nhiều tội Tướng đồng với nhàm chán thế gian; Lìa Tướng Giải thoát và diệt Tướng khác nhau, có ba cách giải thích: Một là cho rằng dứt hết nhân là lìa, dứt hết quả là diệt. Hai là cho rằng biết từng phần là lìa, hoàn toàn diệt là Diệt. Ba, là cho rằng hàng phục các hoặc là lìa, dứt hết là diệt.

Vô ái Tướng, nghĩa là đã lìa diệt thì tâm không ái nhiễm. Kinh lại nói: “Xứng hợp với nghĩa Tỳ-kheo”, thì có thể biết, nên văn sau nói: “Xứng với tướng Sa-môn”.

Từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn hai, giải thích. Văn có ba: Một là giải thích riêng sáu Tướng; hai là khen ngợi chung sáu Tướng; ba là lược nêu bốn Tướng. Thứ nhất giải thích riêng sáu Tướng: một là vô thường; trước hỏi, sau đáp.

Đáp sáu Tướng, văn có sáu đoạn. Về vô thường thì trước nêu lên, sau là giải thích.

Giải thích: Trước giải thích thô về Tướng vô thường.

Hai nhân khổ, có hai cách giải thích: Một, cho rằng nhân bên trong thì sinh khổ bên trong, nhân bên ngoài thì sinh khổ bên ngoài. Hai là ở văn này, đối khát là bên trong, lạnh nóng là bên ngoài. Nói hành sáu xứ, tức là đối với sáu trần.

Kế là từ câu “Tu khổ Tướng v.v...” trở xuống là giải thích khổ Tướng.

Nói quán thân này là vật chứa vô thường, vì ba khổ, tám khổ đều ở trong thân nên mới nói là vật chứa khổ. Kinh lại nói: “Vì vô thường nên khổ”, các sư Số Luận cho rằng: Vô thường ép ngặt cho nên khổ, nếu không bị vô thường ép ngặt thì chẳng khổ. Các sư Thành Thật cho rằng chẳng phải thế, khổ hẳn là vô thường, nhưng vô thường chưa hẳn có khổ, như tất cả cỏ cây cũng vô thường mà chẳng khổ. Còn các loài hữu tình có khổ hẳn là vô thường. Ba tụ, thì sắc và vô ký đều vô thường mà chẳng khổ, chỉ có tâm mới khổ.

Từ câu “Người trí v.v...” trở xuống là đoạn ba, quán Ngã Tướng.

Kế là nói về Tướng Thực yếm. Văn có ba là: Chính thức nói, luận nghĩa và kết luận.

Kinh nói có bốn thứ thực: Sủy thực, tư thực, xúc thực và thức thực. Sủy thực tức là cơm mà người bây giờ ăn, được chia ra từng phần. Xúc thực là y báo như y phục, đồ nằm, v.v... sự xúc chạm mềm mại, thô cứng. Thực là nghiệp thực, thức thực thì chỉ là ý thực.

Kế là nói về Tưởng không có gì đáng vui thích.

Kế là nói về Tưởng chết. Văn có hai: Một, là nói về sự chết trong thời gian lâu dài. Sau nói về sự chế trong từng niệm; có hỏi và đáp.

Văn kinh ghi: Một hơi thở, một cái chớp mắt có bốn trăm lần sinh diệt, còn luận Thành Thật ghi rằng: “Trong một niệm có sáu mươi lần sinh diệt, vì sao hai văn lại khác nhau?”

Đáp: gồm có hai ý: Một, là cho rằng Luận Thành Thật là Tiểu thừa, nói vô thường còn xa, nên cho rằng chỉ có sáu mươi lần sinh diệt, còn kinh này thuộc Đại thừa nói vô thường rất ép ngặt nên lập ra bốn trăm lần sinh diệt. Hai là luận nói một niệm là thời gian rất ngắn, nên chỉ có sáu mươi lần; Kinh nói một hơi thở thì dài, nên nói có bốn trăm lần.

Từ câu “Người trí có đủ v.v...” trở xuống là đoạn hai, khen ngợi chung sáu Tưởng.

Từ sáu Tưởng được bảy Tưởng, thường tu Tưởng chẳng phải là quán cảnh thường, mà thường khởi tu tập pháp quán này. Lạc tu Tưởng tức là ưa thích tu tập.

Từ câu “Nếu người nào v.v...” trở xuống là đoạn ba, lược nêu bốn Tưởng.

Nhàm chán ba cõi là quá tội Tưởng, xa lìa ba cõi là ly Tưởng, dứt trừ ba cõi là Diệt Tưởng, chẳng tham đắm ba cõi là Vô ái Tưởng.

Từ câu “Đó gọi là người trí v.v...” trở xuống là đoạn ba, tổng kết.

Từ câu “Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần ba, kệ khen ngợi Phật. Gồm bảy mươi hai câu, chia làm ba đoạn: Một là bốn câu đầu nêu chung; hai sáu mươi câu kế là chánh thức khen ngợi; ba là tám câu cuối là kết luận.

Sư Linh Vị cho rằng phẩm Sư Tử Hống khen ngợi tâm đại Từ của Phật, phẩm này là khen ngợi Đại bi. Nay nói chẳng phải thế. Trong kinh đã nói rõ: “Phật có một vị từ tâm”, lại nói: “Đó là tâm từ cứu giúp thế gian”, đâu chỉ nói Đại bi như Linh Vị. Phẩm Sư Tử Hống nói về Phật tánh tức là đại từ ban vui, phẩm này nói về Nhất-xiển-đề sinh điều thiện, tức là đại bi cứu khổ. Nói riêng thì như thế, nhưng nói về đại từ chẳng phải là không có đại bi, nói đại bi chẳng phải không có đại từ.

